

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 15 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						279 796	70 249	206 127			
I		CẢNG CHÍNH						85 153	12 445	72 708			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						15 624	12 445	3 179			
1		KDT MIỀN BẮC	01/08	1137/07	16/08	BN 2269	CẨM 1	1 020	794	226	ĐỔ	TD	GIA HẠN L1
2		THAN MIỀN NAM	12/08	1173/08		VIỆT THUẬN 11-05	CẨM 5A.1	5 750	5 980	- 230	ĐỔ		
							CỤC 4A.2	4 850	4 396	454	ĐỔ		
3		ĐẠM NINH BÌNH	14/08	1179/08		NB 6695	Cẩm 4b.1	4 004	1 275	2 729	ĐỔ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						69 529		69 529			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CӨ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
8		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		THAN SÔNG HỒNG	01/08	977/06	10/08	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040			GIA HẠN L3
10		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
11		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
12		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
13		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
14		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
15		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
16		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
17		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
18		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
19		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
20		KDT HÀ BẮC	31/07	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	GIA HẠN L1
21		THAN SÔNG HỒNG	06/08	1077/07	21/08	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
22		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CẨM 6A.14	5 000		5 000			
23		ĐẠM NINH BÌNH	27/07	1118/07		NB 8657	CẨM 4A.1	4 728		4 728			
24		KDT BẮC THÁI	30/07	1128/07		BN 1111	CẨM 1	1 986		1 986		TD	
25		KDT BẮC THÁI	30/07	1129/07		BN 2033	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 15 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		KDT BẮC THÁI	30/07	1130/07		BN 2276	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	31/07	1134/07		BN 1368	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
28		KDT MIỀN BẮC	01/08	1138/07	16/08	BN 2699	CẨM 1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
29		DVVT QUẢNG NINH	13/08	1139-B/08	31/08	BN 0766	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	THAY TBGT SỐ 1139/8 NGÀY 01/8/2025
30		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XÔ 1C	900		900		TD	
31		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1141/08	16/08	BN 0988	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1142/08	16/08	BN 1348	CỤC XÔ 1C	993		993		TD	
33		CP HÀNG HẢI VN	02/08	1445/08	15/08	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
34		SÔNG HỒNG	03/08	1146/08		BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
35		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CẨM 1	900		900		TD	
		THAN UÔNG BÍ	14/08	1176/08		BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
		KDT CẦU ĐUỐNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
		ĐẠM NINH BÌNH	14/08	1778/08		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
		Tàu chuyển tải						144 400	38 050	106 350			
		Tàu đang làm hàng						59 300	38 050	21 250			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/08	1165/08		HẢI NAM 85	CẨM 6A.10	30 800	14 135	16 665	DỖ		KDT CP:5.000 - CLM:15.000 - KVCP:10.800
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/08	1160/08		HẢI NAM 39	CẨM 6A.14	28 500	23 915	4 585	DỖ		KDT CP:6.000 - CLM:9.000 -
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						85 100		85 100			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	11/08	1168-B/08		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5A.14	29 500		29 500			CLM:17.000 - KDT CP:12.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/08	1171/08		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	47 000		47 000			
		KHO G9-HÓA CHẤT						30 656	6 626	24 030			
		Tàu đã làm hàng						6 680	6 626	54			
1		CP VT&KD THAN	13/8	543	28/8	BN - 2096	CẨM 8A	1 580	1 572	8	14/8	TD	
2		CP VT THUỶ	13/8	544	28/8	BN - 1883	CẨM 8A	1 000	988	12	14/8	TD	
3		CP DVVT QNINH	13/8	559	28/8	BN - 2005	CẨM 8A	1 500	1 487	13	14/8	TD	
4		HẢ NAM NINH	12/8	491	27/8	BN - 2222	CẨM 8A	1 600	1 588	12	14/8	TD	
5		CP VT&KD THAN	13/8	542	28/8	BN - 1758	CỤC 1A	1 000	992	8	14/8	TD	
		Tàu đã làm lệnh						23 976		23 976			
1		SÔNG HỒNG	01/8	50	15/8	BN - 2566	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	01/8	52	15/8	BN - 2112	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
3		CP DVVT QNINH	02/8	71	16/8	BN - 2625	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 15 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		CP HÀNG HẢI VN	02/8	72	16/8	BN - 1899	CÁM 7C	1 980		1 980		TD	
5		SÔNG HỒNG	04/8	90	18/8	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/8	133	18/8	Hùng Mạnh 68	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
7		CP ĐTTM&DV	04/8	133	18/8	Hùng Mạnh 68	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
8		CP ĐTTM&DV	04/8	150B	18/8	BN 2258	CỤC 1C	1 000		1 000		TD	
9		CP ĐTTM&DV	05/8	175	18/8	BN - 1839	CỤC 1B	1 030		1 030		TD	
10		THANH HOÁ	05/8	199	19/8	BN - 1879	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		SÔNG HỒNG	10/8	415	24/8	HN - 1645	CÁM 8A	996		996		TD	
12		CẦU ĐUÔNG	10/8	416	24/8	HD 2095	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		HÀ NAM NINH	11/8	567/6	25/8	BN 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		NINH BÌNH	11/8	452	25/8	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		CẦU ĐUÔNG	12/8	493	27/8	BN - 1336	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
16		HÀ NỘI	12/8	494	27/8	BN - 1079	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
17		CẦU ĐUÔNG	13/8	545	28/8	BN - 2189	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
18		CP DVVT QNINH	13/8	1122/7	28/8	BN - 2368	CÁM 8A	1 690		1 690		TD	
19		HÀ BẮC	14/8	598	29/8	BN - 1388	CÁM 6B.1	1 980		1 980		PT CB	
20		CP VT THUỶ	14/8	619	29/8	HN - 2028	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
21		CẦU ĐUÔNG	14/8	620	29/8	BN - 2308	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>6 220</u>	<u>2 798</u>	<u>2</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>6 220</i>	<i>2 798</i>	<i>2</i>			
1		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH		332/8		VIỆT THUẬN TĐ 02	CÁM 5A.14	2 800	2 798	2	13/8		
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH		91/8		SƠN HẢI 09	CÁM 5A.14	3 420	3 416	4	14/8		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>10 367</u>	<u>10 329</u>	<u>38</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>10 367</i>	<i>10 329</i>	<i>38</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (VIỆT THUẬN OCEAN)	12/8	92	22/8	VIỆT THUẬN TĐ 01	Cám 6a.1	5 312	5 306	6	14/8	CBPT	
2		CBT QUẢNG NINH	12/8	508	27/8	QN 7535	Cám 5b.1	1 155	1 142	13	14/8	CBPT	
3		CBT QUẢNG NINH	13/8	572	27/8	QN 9295	Cám 5b.1	1 440	1 436	4	14/8	CBPT	
4		DV VT QUẢNG NINH	13/8	539	27/8	BN 2115	Bùn 3c	1 500	1 489	11	14/8	TD	
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	14/8	597	28/8	TH 0686	Cám 5b.1	960	956	4	14/8	CBPT	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>3 000</u>	<u>-</u>	<u>3 000</u>			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 15 THÁNG 08 NĂM 2025

[illegible]

